

Số: /BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày

tháng 7 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 6 năm 2024 đến ngày 19 tháng 7 năm 2024)

## I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

### 1. Thời tiết

Trong tháng qua thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng phát triển nhất là cây lúa. Từ giữa tháng 5 đến đầu tháng 6 phổ biến ngày nắng, không mưa; từ giữa tháng 6 đến nay phổ biến ngày nắng xen kẽ có mưa dông vào chiều tối. Nhiệt độ TB 30-31°C, ẩm độ TB 75%.

### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

#### a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Hè Thu 2024	Sớm	Chín sữa	2.000	
	Chính vụ	Trở - chín sữa	19.000	
	Muộn	Ôm đòng	1.500	
	Tổng		22.500	

#### b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Phát triển thân lá, củ	11.000
- Cây công nghiệp:		
<i>Hồ tiêu</i>	Thu hoạch	2.164,6
<i>Cao su</i>	Khai thác	18.572,8
<i>Cà phê</i>	Phát triển quả	3.706,9

### 3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

## II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/6/2024-19/7/2024

**1. Trên cây lúa:** Các đối tượng sâu, bệnh gây hại chủ yếu gồm: Chuột DTN 303 ha (tăng 216 ha so với tháng trước, giảm 16 ha so với cùng kỳ năm trước); Nhện gié, bệnh khô vằn bắt đầu gây hại từ cuối tháng 6 trong đó nhện gié DTN 110 ha (tăng 60 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh khô vằn DTN 320 ha (tăng 260 ha so với cùng kỳ năm trước). Ngoài ra, rầy các loại hại nhẹ một số vùng, DTN 8 ha.

**3. Trên cây hồ tiêu:** Tuyến trùng DTN 196 ha (tương đương tháng trước, giảm 13 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 69 ha (giảm 18 ha so với tháng trước, giảm 92 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 107 ha (giảm 30 ha so với tháng trước, giảm 40 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 15 ha (giảm 5 ha so với tháng trước, giảm 8 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 67 ha (giảm 6 ha so với tháng trước, giảm 30 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 20 ha (giảm 6 ha so với tháng trước, giảm 32 ha so với cùng kỳ năm trước).

**4. Trên cây cà phê (Hướng Hóa):** Bệnh thán thư, khô cành DTN giảm so với tháng trước, rệp DTN như tháng trước, cụ thể: Rệp DTN 200 ha (giảm 60 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 400 ha (giảm 65 ha so với tháng trước, giảm 280 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 505 ha (giảm 175 ha so với tháng trước, giảm 270 ha so với cùng kỳ năm trước).

**5. Trên cây cao su:** Bệnh xì mủ DTN 147 ha (tương đương tháng trước, tăng 32 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 260 ha (giảm 9 ha so với tháng trước, tăng 81 ha so với cùng kỳ năm trước).

**6. Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus gây hại ở hầu khắp các huyện thị, DTN 1.158 ha (tăng 78 ha so với tháng trước, tăng 1.059 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 222 ha. Ngoài ra, nhện đỏ, bọ phấn gây hại một số vùng.

### **III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

#### **1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 20/7/2024-15/8 /2024**

**1.1. Trên cây lúa:** Chuột, bệnh khô vằn, nhện gié tiếp tục gây hại nhiều nơi đặc biệt nhện gié có thể gây hại nặng những vùng ổ dịch các năm trước và trên các giống nhiễm như HN6, Khang Dân, ST25....; rầy các loại tiếp tục gia tăng mật độ và diện tích nhiễm, có thể hại nặng lúa giai đoạn chín sữa - chín sấp; bệnh bạc lá vi khuẩn, sâu cuốn lá nhỏ có thể phát sinh gây hại một số vùng nhất là trên lúa trà muộn; bệnh lúa von, lem lép hạt... khả năng gây hại giai đoạn lúa trổ - vào chắc.

**1.2. Trên cây hồ tiêu:** Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi trong đó bệnh chết chậm có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch.

**1.3. Trên cây cà phê:** Các đối tượng dịch hại như: Rệp các loại, bệnh thán thư, khô cành,... tiếp tục gây hại ảnh hưởng đến phát triển quả, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

**1.4. Trên cây cao su:** Bệnh xì mủ, loét sọc mặt cạo tiếp tục gây hại trên các vườn.

**1.5. Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại nhiều nơi; nhện đỏ, bọ phấn trắng tiếp tục phát sinh gây hại.

#### **2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới**

##### **2.1. Trên cây lúa**

- Tăng cường kiểm tra nhện gié để kịp thời phòng trừ; Những vùng nhện gié phát

sinh gây hại sớm, vùng ổ dịch các năm trước, vùng gieo trồng giống nhiễm (*HN6, Khang dân, ST 25...*) nên phun thuốc trừ nhện 2 lần, lần 1 ở thời kỳ lúa làm đòng (*trước trổ 14 ngày*) và lần 2 trước khi lúa trổ 7 ngày; những vùng nhện phát sinh gây hại muộn có thể phun thuốc trừ nhện 1 lần trước khi lúa trổ 7 ngày. Sử dụng các loại thuốc có hoạt chất *Quinalphos, Hexythiazox, Propargite, Fenpropathrin* và một số loại thuốc trừ nhện gié khác trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam như: *Kinalux 25EC, Obamax 25EC, Kinagold 23EC, Nissorun 5EC,...* để phun trừ. Cần luân phiên sử dụng các loại thuốc để tránh quen thuốc, nhờn thuốc. Lượng nước thuốc phun bằng bình bơm đeo vai: 400 lít/ha, phun bằng Drone: 40 lít/ha.

- Thường xuyên kiểm tra mật độ rầy, sâu cuốn lá nhỏ trên đồng ruộng. Tiến hành phun thuốc trừ rầy ở những nơi có mật độ cao (500 con/m<sup>2</sup> sau trổ; 1000 con/m<sup>2</sup> trước trổ) bằng các loại thuốc có hoạt chất *Pymetrozine, Nitenpyram, Etofenprox,...* như: *Chess 50WG, Cheestar 50WP, Trebon 10EC ...*; để phun thuốc có hiệu quả cần đi chậm, phun vào gốc lúa nơi rầy tập trung, đồng thời phải đảm bảo lượng nước thuốc ít nhất 20 lít/sào; những ruộng có mật độ rầy quá cao thì sau 3 ngày kiểm tra lại nếu mật độ vẫn cao tiến hành phun lần 2. Đối với sâu cuốn lá nhỏ, phun thuốc trừ sâu ở những nơi có mật độ khoảng 10 con/m<sup>2</sup> trở lên, phun ngay khi sâu đang ở tuổi 1-2 hoặc sau khi bướm ra rộ 5-7 ngày.

- Xử lý thuốc phòng trừ bệnh khô vằn, không để bệnh lây lan ra diện rộng. Có thể sử dụng các loại thuốc phổ rộng có hoạt chất *Hexaconazole + Tricyclazole, Azoxystrobin + Difenoconazole* như *Newtec, Amistar Top,...* để phòng trừ nhóm bệnh lem lép, khô vằn.

- Duy trì diệt chuột bằng nhiều biện pháp như đào bắt, đặt bẫy, bả, sử dụng các loại thuốc diệt chuột thế hệ mới.... để hạn chế chuột gây hại (*tuyệt đối không được dùng xung điện để diệt chuột*).

- Phun thuốc phòng bệnh bạc lá vi khuẩn (nên phun phòng sau những trận mưa, trước khi lúa trổ) bằng các loại thuốc có hoạt chất *Ningnanmycin, Bronopol* như *Diboxylin, Bonny, Xantoxin, Starner,...*

**2.2. Trên cây hồ tiêu:** Thu hoạch những diện tích tiêu chín còn lại và thực hiện các biện pháp chăm sóc, phục hồi vườn tiêu sau thu hoạch.

Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

**2.3. Trên cây cà phê:** Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh đảm bảo dinh dưỡng cho cây thời kỳ nuôi quả.

**2.4. Trên cây cao su:** Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi.

**2.5. Trên cây sắn:**

- Định kỳ kiểm tra đồng ruộng, kịp thời phát hiện diện tích nhiễm bệnh mới,

tập trung diệt trừ bộ phận môi giới không để lây lan ra diện rộng; tăng cường bón phân và phun phân bón lá để tạo điều kiện cho cây phát triển; riêng địa bàn huyện Hương Hóa tiếp tục tiêu hủy tất cả cây bị bệnh, không để lây lan ra các vùng trồng sản khác trên địa bàn huyện.

- Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như: nhện đỏ, rệp sáp bột hồng, bệnh thối gốc,... để có biện pháp xử lý kịp thời./.

***Nơi nhận:***

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Trần Minh Tuấn**

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG**

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Ôm đòng - trổ - chín sữa)													
1	Chuột	7-10	15-20			303	264	38	1	0	+216	-16	1.000	H. Lăng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà, H. Hóa
2	Nhện gié	7-10	15-30	30-40		110	82	26	2	0	+110	+60	500	H. Lăng, V. Linh, G. Linh
3	Khô vằn	15-20	30-45		1-3	320	235	83	2	0	+320	+260	1.000	H. Lăng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà
4	Rầy các loại	500-700	1.000-1.500		N-TT	8	8	0	0	0	-4	+8	2	Tr. Phong
II	Cây Hồ tiêu (Thu hoạch)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	107	92	15	0	0	-30	-40	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	15	14	1	0	0	-5	-8	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	196	173	21	2	0	-2	-13	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	69	54	15	0	0	-18	-92	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đóm lá	5-10	15-20		3	67	59	8	0	0	-6	-30	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-2	20	20	0	0	0	-6	-32	10	Hương Hóa
III	Cây cà phê (Phát triển quả)													
1	Khô cành	10-15	60		1-2	505	385	90	30	0	-175	-270	40	Hương Hóa
2	Thán thư	15-20	50		1-3	400	250	140	10	0	-65	-280	50	

3	Rệp	10-25	50		1-2	200	115	75	10	0	0	-60	0	
IV	Cây cao su (Khai thác)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-2	260	197	53	10	0	-9	+81	130	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mũ	5-10	15		1-2	147	129	18	0	0	-1	+32	10	
V	Cây sắn (Phát triển thân lá, củ)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70-80		1.158	491	445	222	0	+78	+1.059	8	H. Lãng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đakrông, H. Hóa